



REVERSE OSMOSIS

LỌC TỔNG TINH KHIẾT

REVERSE OSMOSIS



AN TOÀN - PHÙ HỢP - TIẾT KIỆM

UỐNG TRỰC TIẾP

Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho sức khỏe người tiêu dùng, có thể uống trực tiếp tại bất cứ vòi nước nào trong nhà.

ĐA DẠNG NGUỒN NƯỚC CẤP

Cài đặt các thông số trên hệ thống để tương thích với chất lượng khác nhau của các loại nước đầu vào như: nước ngầm, nước mặt, nước nhiễm mặn v.v.

THIẾT KẾ PHÙ HỢP

Hệ thống được thiết kế phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Việt Nam. Cấu tạo vỏ tủ chắc chắn, vững chãi, sơn tĩnh điện, có thể chịu được mọi điều kiện thời tiết tại Việt Nam.

BẢO VỆ AN TOÀN ĐIỆN

Tích hợp các công nghệ bảo vệ điện tiên tiến nhất như: Bảo vệ quá điện áp vào, bảo vệ thấp điện áp vào, bảo vệ tăng giảm tần số, bảo vệ ngắn mạch, bảo vệ rò điện v.v.

HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG

Hệ thống điều khiển tự động thông minh, độ tin cậy cao, chuẩn công nghiệp, xuất xứ CHLB Đức (Siemens)

XỬ LÝ CALCIUM KHÔNG DÙNG MUỐI

Độc quyền công nghệ không dùng muối. Nước sau lọc tuyệt đối không thể bám cặn Calcium trên bất cứ thiết bị nào trong cả quá trình sử dụng.

TUỔI THỌ MÀNG LỌC

Tích hợp công nghệ độc quyền duy trì tuổi thọ duy trì màng lọc của Golden Panthera: tự động vệ sinh màng lọc, kéo dài tuổi thọ màng lọc gấp 8-10 lần.



HOẠT ĐỘNG THEO KỊCH BẢN

Tích hợp hoạt động theo kịch bản có sẵn. Máy tự hoạt động không cần thao tác.

LƯU GIỮ LỖI VÀ THÔNG SỐ

Hệ thống sao lưu và ghi chép toàn bộ sự cố, thông số kỹ thuật trong quá trình sử dụng. Đảm bảo khả năng khôi phục dữ liệu và phân tích lỗi trong quá trình vận hành. Giảm thiểu thời gian và chi phí khắc phục.

THÔNG BÁO SỰ CỐ TỰ ĐỘNG

Cung cấp thông tin kịp thời về các vấn đề phát sinh, giúp đội ngũ kỹ sư SWD phản ứng nhanh chóng để can thiệp và khắc phục sự cố kịp thời. Không chỉ hạn chế tác động của sự cố đến hoạt động mà còn bảo đảm sự hiệu suất của toàn bộ hệ thống.

TỰ ĐỘNG PHÁT HIỆN VÀ SỬA LỖI

Tích hợp công nghệ Smart Fix độc quyền, tự động phát hiện lỗi và tự động sửa lỗi trong suốt quá trình hoạt động.

GIÁM SÁT TỰ ĐỘNG

Đảm bảo phát hiện sớm các vấn đề từ đó ngăn chặn sự cố lớn, đồng thời tối ưu hóa hiệu suất và bảo vệ an toàn dữ liệu. Nhờ đó, hệ thống hoạt động ổn định và liên tục, giảm thiểu rủi ro gián đoạn.

BỎ QUA HỆ THỐNG

Khi có lỗi lớn không thể tự khắc phục, hệ thống sẽ tự động thông báo sự cố tới người vận hành, sau đó bỏ qua lỗi này và tiếp tục cung cấp nước, đảm bảo không ảnh hưởng tới sinh hoạt động của khách hàng trong quá trình chờ được khắc phục.



Theo dõi liên tục



Tự động thông báo
lỗi sự cố



Internet



Khu vực làm việc



Truy cập từ xa qua các thiết bị

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	R1000E	R500I	R1000I	R1000S
Công suất (Lit/giờ)	1000	500	1000	1000
Kích thước (Dài x Rộng x Cao)	Tùy chọn	65 x 65 x 160 (cm)	65 x 65 x 160 (cm)	65 x 65 x 160 (cm)
Màu	Inox	Trắng	Trắng	Trắng
Trọng lượng vận hành	160 - 200 Kg	200 - 250 kg	200 - 250 kg	200 - 250 kg
Điện áp hoạt động	220Vac/50 - 60 Hz	220Vac/50 - 60 Hz	220Vac/50 - 60 Hz	220Vac/50 - 60 Hz
Công suất điện (Khi lọc)	1.5 Kw	1.5 Kw	1.5 Kw	1.5 Kw
Công suất điện (Không lọc)	5 W	5 W	5 W	5 W
Nguồn nước cấp	————	————	————	————
Bảo vệ điện	— —	— —	— —	— —
Hệ thống điều khiển	Siemens (CHLB Đức)	Siemens (CHLB Đức)	Siemens (CHLB Đức)	Siemens (CHLB Đức)
Công nghệ màng	RO, UF, MF	RO, UF, MF	RO, UF, MF	RO, UF, MF
Vật liệu màng	PA	PA	PA	PA
Xuất xứ màng lọc	Vontron (Trung Quốc)	LG, CSM (Hàn Quốc)	LG, CSM (Hàn Quốc)	DOW (Hoa Kỳ)
Tiêu chuẩn nước sau lọc	PUB Singapore, QCVN 01/2024/BYT, QCVN 06/2010/BYT			
Chính sách bảo hành	06 tháng với vật liệu lọc - 24 tháng với linh kiện điện tử			

Chú thích:

———— Nước thủy cục, nước mặt, nước ngầm

— — Điện áp thấp, cao, ngắn mạch, tăng hoặc giảm tần số



TẠI SAO CHÚNG TÔI LẠI CHỌN PUB ?

PUB là Cơ quan Quản lý nguồn nước Quốc gia Singapore trực thuộc Bộ Bền vững và Môi trường Singapore (MSE).



Việc sử dụng tiêu chuẩn PUB của đất nước phát triển hàng đầu thế giới như Singapore làm cam kết chất lượng sản phẩm của thương hiệu SWD khẳng định tôn chỉ mục đích của chúng tôi trong suốt quá trình cung cấp sản phẩm của mình.

ĐỘ TIN CẬY
VÀ MINH
BẠCH



TIÊU CHUẨN
NƯỚC
VƯỢT TRỘI



QUY TRÌNH
KIỂM TRA
NGHIÊM NGẶT



KHẢ NĂNG DUY TRÌ
ỔN ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG NƯỚC



ĐÁP ỨNG ĐẦY ĐỦ
QUY CHUẨN TẠI
VIỆT NAM

TẠI SWD



ĐỒNG NHẤT

Với tất cả những sản phẩm của SWD chúng tôi luôn chú trọng sử dụng các linh kiện tiêu chuẩn đồng bộ. Nhờ vậy, quá trình bảo dưỡng và thay thế sẽ diễn ra nhanh chóng và tiết kiệm chi phí.



GIÁM SÁT

Tất cả những thông số kỹ thuật đều được theo dõi và ghi lại thường xuyên qua hệ thống SWD. Chúng tôi có thể phát hiện và xử lý sự cố kịp thời. Giám sát bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo sản phẩm hoạt động ổn định và hiệu quả nhất trong thời gian sử dụng.



HỖ TRỢ

Đội ngũ kỹ sư SWD luôn sẵn sàng hỗ trợ 24/7/365. Luôn can thiệp kịp thời, hỗ trợ bảo dưỡng vận hành và thay thế. Với chúng tôi việc duy trì ổn định và hiệu quả trong vận hành là ưu tiên hàng đầu.

SWD cung cấp các giải pháp linh hoạt, phù hợp với mọi quy mô và loại hình dự án. Mỗi giải pháp đều được tùy chỉnh để đáp ứng yêu cầu cụ thể để đảm bảo có sự lựa chọn tốt nhất.

- Hệ thống nước siêu tinh khiết
- Hệ thống lọc tổng còn khoáng
- Máy lọc tổng sinh hoạt
- Hệ thống theo yêu cầu
- Hệ thống lọc tổng tinh khiết

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

SWD là đơn vị duy nhất trên thị trường cung cấp kết quả xét nghiệm chất lượng nước sau lắp đặt theo Quy chuẩn Quốc gia về nước sinh hoạt QCVN01:2024/BYT được cấp bởi Viện Sức khỏe nghề nghiệp & Môi trường Bộ Y tế và đạt tiêu chuẩn chất lượng nước của PUB (Singapore).

PUB
Water for All: Conserve, Value, Enjoy

In appreciation of

SWD PURIFY YOUR LIFE

at

VIET NAM

In recognition of outstanding efforts in providing safe, sustainable, and clean water solutions

4 oct 25
Date of Issue

Chong Hou Chun
Director
Water Supply (Network) Department
PUB

BẢNG ĐỌC QUYỀN GIẢI PHÁP HỮU ÍCH
Số: 4447

Tên giải pháp hữu ích: MÁY LỌC NƯỚC SINH HOẠT TÍCH CẢ KHẢ NĂNG LAM SẠCH MÀNG LỌC TỰ ĐỘNG

Chủ Bằng độc quyền: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT GOLDEN PANTHERA (VN)
Số 4C Đường Tầng Bệt Hố, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tác giả: Số 4C Đường Tầng Bệt Hố, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số đơn: 2-2022-00313

Ngày nộp đơn: 11/06/2022

Số đăng ký của bản lệ: 01

Số trạng mô tả: 19

Cấp bằng Quyết định số: 224159/QĐ-SHTT, ngày: 30/09/2025

Liên lạc tư pháp cấp bản lệ: 10 năm tính từ ngày nộp đơn (thuyết báo lệ căn cứ tại hàng năm)

KT-CỤC TRƯỞNG
CỤC QUẢN LÝ SỞ HỮU TRÍ TUỆ
THỊ TRƯỞNG
Lê Huy Anh

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU
Số: 386237

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT GOLDEN PANTHERA (VN)
Số 4C Đường Tầng Bệt Hố, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số đơn: 1/25-62019

Cấp bằng Quyết định số: 56356/QĐ-SHTT, ngày: 01/05/2021

Có hiệu lực từ ngày cấp đơn hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn)

KT-CỤC TRƯỞNG
CỤC QUẢN LÝ SỞ HỮU TRÍ TUỆ
THỊ TRƯỞNG
Đinh Hữu Phú

issq

GIẤY CHỨNG NHẬN
Số: HT 2504-22

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT GOLDEN PANTHERA
Số 4C Đường Tầng Bệt Hố, phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Xưởng lắp ráp: Số 1 hẻm 99/110 Đường Đinh Công Hoá, phường Đinh Công, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

đã được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 9001:2015
Hệ thống Quản lý Chất lượng
cho lĩnh vực:

Lắp ráp, kinh doanh máy lọc nước và dịch vụ sau bán hàng

Giấy chứng nhận này có giá trị từ
15 / 12 / 2022 đến 14 / 12 / 2025

HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN CHỦ TỊCH

GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn

KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Quatest 1
Số/Nh: 25/TNS/2030

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Nước sau lọc qua hệ thống lọc SWD F-MD9997

Khách hàng: Công ty TNHH TM&V và SN Golden Panthera

Lượng mẫu: 4 lít

Trình trạng mẫu: Dung trong chai nhựa

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/05/2025 đến ngày 22/05/2025

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 81-1: 2018/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Ph-Cu	SMEW 2120 C-2017	≤ 15	KPH (CHPH) = 5,0
2	Mùi vị	-	TKS910.PEIS	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Dị ứng	NTU	US EPA Method 181.1	≤ 2	KPH (CHPH) = 0,5
4	pH	-	TCVN 4452:2011	6,0 - 8,5	6,0
5	Chỉ số tự do	mg/L	SMEW 4150-C-2017	≤ 2,1	KPH (CHPH) = 0,05
6	Azot (N)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,20	KPH (CHPH) = 0,003
7	Cadomi	mg/L	TCVN 4161-1:2019	< 3	0
8	Cr-Cr	mg/L	TCVN 4161-1:2019	< 1	0
9	Trùng sinh vật	mg/L	SMEW 9118-2017	< 1	0
10	Trùng sinh vật	mg/L	TCVN 4161-1:2019	< 1	0
11	Ammoniac (NH3-N)	mg/L	SMEW 4740-NH3-2017	≤ 0,5	KPH (CHPH) = 0,003
12	Ammoniac (NH3-N)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,20	KPH (CHPH) = 0,003
13	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,2	KPH (CHPH) = 0,003
14	Bur-tinh-chung-cu-cá	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,3	KPH (CHPH) = 0,003
15	Calci (Ca)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,20	KPH (CHPH) = 0,003
16	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,01	KPH (CHPH) = 0,003
17	Chỉ số độ cứng	mg/L	TCVN 4161-1:2019	≤ 2	< 1,0
18	Chlor (Cl)	mg/L	TCVN 4161-1:2019	≤ 10	< 10
19	Chlor (Cl)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,5	KPH (CHPH) = 0,003
20	Cuồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 1	KPH (CHPH) = 0,003
21	Dị ứng, chỉ số	mg/L	SMEW 2140 C-2017	≤ 100	3,7
22	Fluor (F)	mg/L	TCVN 4161-1:2019	≤ 1,5	KPH (CHPH) = 0,30

1. Phân tích kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn.

2. Không được sử dụng kết quả này để so sánh với kết quả của các phòng thí nghiệm khác.

3. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

4. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

5. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

6. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

7. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

8. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

9. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

10. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

11. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

12. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

13. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

14. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

15. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

16. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

17. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

18. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

19. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

20. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

21. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

22. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

1. Phân tích kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn.

2. Không được sử dụng kết quả này để so sánh với kết quả của các phòng thí nghiệm khác.

3. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

4. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

5. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

6. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

7. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

8. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

9. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

10. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

11. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

12. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

13. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

14. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

15. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

16. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

17. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

18. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

19. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

20. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

21. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

22. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

Quatest 1
Số/Nh: 25/TNS/2030

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

Tên mẫu thử: Nước sau lọc qua hệ thống lọc SWD F-MD9997

Khách hàng: Công ty TNHH TM&V và SN Golden Panthera

Lượng mẫu: 4 lít

Trình trạng mẫu: Dung trong chai nhựa

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 09/05/2025 đến ngày 22/05/2025

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 81-1: 2018/BYT	Kết quả
23	Ammoniac (NH3-N)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,5	KPH (CHPH) = 0,003
24	Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,07	KPH (CHPH) = 0,003
25	Niken (Ni)	mg/L	TCVN 4161-1:2019	≤ 2	KPH (CHPH) = 0,3
26	Niken (Ni)	mg/L	TCVN 4161-1:2019	≤ 0,05	KPH (CHPH) = 0,003
27	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,3	KPH (CHPH) = 0,003
28	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,01	KPH (CHPH) = 0,003
29	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,001	KPH (CHPH) = 0,003
30	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 4161-1:2019	≤ 0,05	KPH (CHPH) = 0,003
31	Vanadi (V)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,05	KPH (CHPH) = 0,003
32	Vanadi (V)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,01	KPH (CHPH) = 0,003
33	Vanadi (V)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,01	KPH (CHPH) = 0,003
34	Vanadi (V)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,01	KPH (CHPH) = 0,003
35	Vanadi (V)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,01	KPH (CHPH) = 0,003
36	Vanadi (V)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,01	KPH (CHPH) = 0,003
37	Vanadi (V)	mg/L	US EPA Method 450.0	≤ 0,01	KPH (CHPH) = 0,003

1. Phân tích kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn.

2. Không được sử dụng kết quả này để so sánh với kết quả của các phòng thí nghiệm khác.

3. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

4. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

5. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

6. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

7. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

8. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

9. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

10. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

11. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

12. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

13. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

14. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

15. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

16. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

17. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

18. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

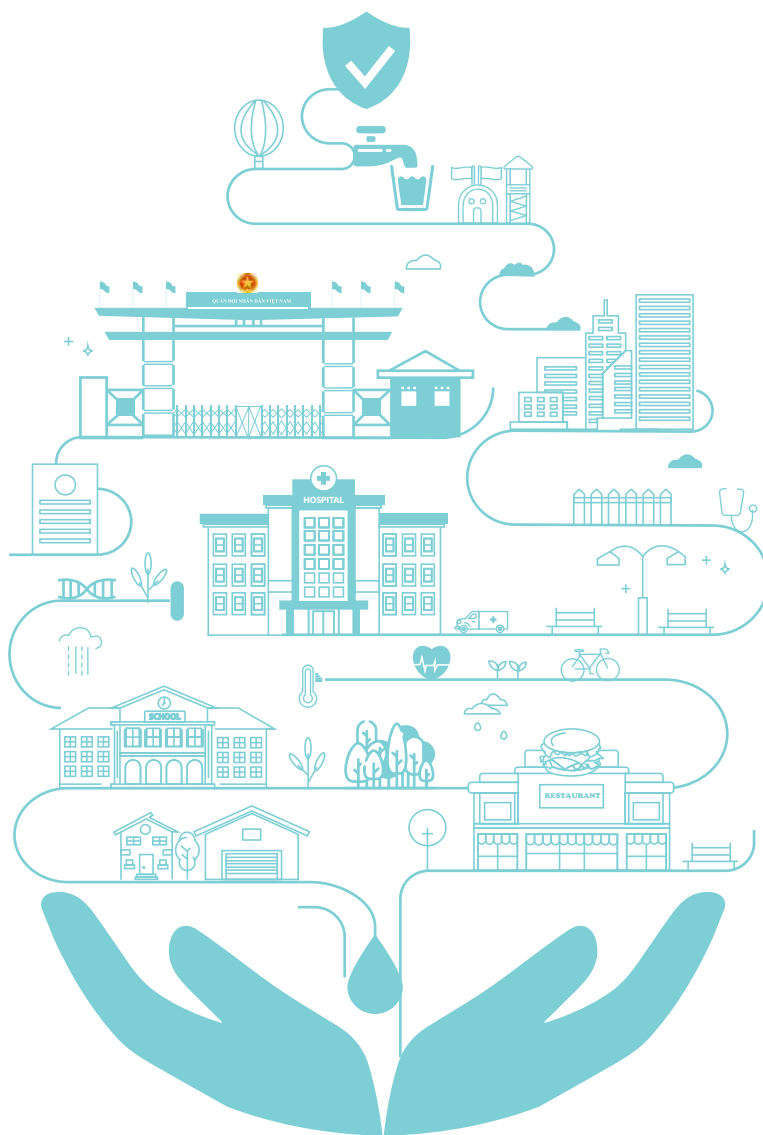
19. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

20. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

21. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

22. Các mẫu thử được phân tích theo quy định của tiêu chuẩn QCVN 81-1: 2018/BYT.

QCVN 01-1:2024/BYT là tiêu chuẩn quốc gia mới nhất quy định các mức giới hạn về chỉ tiêu chất lượng nước sạch dùng cho ăn uống và sinh hoạt. Quy chuẩn áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc nhằm nâng cao tính an toàn và kiểm soát chặt chẽ hơn các thành phần hóa - lý, vi sinh có trong nước, yêu cầu các đơn vị/doanh nghiệp tuân thủ nghiêm ngặt quy trình thử nghiệm và công bố thông tin định kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN SPIRING WATER DELIVERY

Địa chỉ: Số 14, ngõ 102 Kim Giang, Định Công, Hà Nội.
kinhdoanh@swd.vn | <https://swd.vn>

TRUNG TÂM DỊCH VỤ & BẢO HÀNH

Số 1 Hẻm 99/110/85 Định Công Hạ,
Hoàng Mai, Hà Nội

SWD - ĐẠI LÝ HÀ NỘI

Trung tâm điện máy Toàn Vũ
Số 163 Đỗ Xá, Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội

SWD - ĐẠI LÝ HÀ NỘI

Công ty TNHH bất động sản Khang Linh
Số 24B, tập thể đài phát thanh Mễ Trì, tổ dân
phố số 1, Lương Thế Vinh, Đại Mỗ, Hà Nội

SWD - ĐẠI LÝ HÀ NỘI

Công ty CP Thiết bị y tế và hoá chất Hà Nội
Số 17 ngõ 38 Phương Mai, Kim Liên, Hà Nội

SWD - ĐẠI LÝ HÀ NỘI

Công ty TNHH sản xuất, thương mại và xuất nhập khẩu
Gia Khánh
Số 57 Ngõ 16 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Hà Đông, Hà Nội

SWD - ĐẠI LÝ TP HỒ CHÍ MINH

Công ty TNHH Green
82 Nguyễn Bá Tuyển, Phường 12, Quận Tân Bình, HCM

SWD - ĐẠI LÝ HẢI PHÒNG

Công ty TNHH Hiếu Hương
Cụm CN Nam Sơn, Mỹ Trinh, An Dương, Hải Phòng

SWD - ĐẠI LÝ QUẢNG NINH

Công ty CP Hải - DL & DV thể thao dưới nước
(Haiwater Sports)
Tổ 94, Khu Đồn Điền, Phường Hà Khẩu, Tp Hạ Long,
Quảng Ninh

SWD - ĐẠI LÝ THÁI NGUYÊN

Công ty CP TMDV và xuất khẩu Hải Đăng Việt
Lô CL1506 KĐT Xương Rồng, Phường Phan Đình
Phùng, Tp Thái Nguyên

SWD - ĐẠI LÝ CẦN THƠ

Công ty TNHH ĐT & TM Quang Minh Thành
Số P004, Đường Lý Thái Tổ, Phường Hưng Phú,
Quận Cái Răng, Tp Cần Thơ